TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - T2 do - Hạnh phúc

Bản án số: **225/**2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 21/6/2024.
V/v tranh chấp"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Ba;

2. Ông Đoàn Thanh Phong;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương T1, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp TT, xã XĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Ngô Gia T2, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp TL, xã TH, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

(*Chị T1 có văn bản đề nghị vắng mặt; anh T1 vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Phương T1 trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Gia T2 tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không hàn gắn được. Anh chị

không còn sống chung từ đầu năm 2023. Nay không còn tình cảm nên chị T1 xin được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Gia K, sinh ngày 29/11/2019 hiện đang sống với chị T1. Khi ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Ngô Gia T2 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T2 vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T1 có văn bản đề nghị vắng mặt, bị đơn anh T2 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Phương T1 yêu cầu ly hôn với anh Ngô Gia T2 nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh T2 cư trú tại ấp TL, xã TH, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 13/5/2024 nguyên đơn chị T1 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T1 và anh T2.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Phương T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị T1 và anh T2 T2 nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T1 xin ly hôn với anh T2 với lý do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không hàn gắn được nên anh chị không còn sống chung từ đầu năm 2023. Tòa án đã triệu tập anh T2 nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh T2 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T1, cho thấy anh T2 không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa hai người. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Gia K, sinh ngày 29/11/2019 hiện đang sống với chị T1. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được nuôi cháu K. Xét lời yêu cầu nuôi con của chị T1 là có cơ sở vì cháu K đang sống với chị T1 đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt. Phía anh T2 không có ý kiến phản đối và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho chị T1 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T1 không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Phương T1.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Phương T1 được ly hôn với anh Ngô Gia T2.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Ngô Gia K, sinh ngày 29/11/2019 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T1 không có yêu cầu.

Về án phí: Chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0007177 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, do vậy chị T1 đã nộp xong án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thủy Uyên